

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2021 của Trường Đại học Chu Văn An

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 của Trường Đại học Chu Văn An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án này./.

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- Ban Giám Hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CHU VĂN AN
TS. Tạ Tiến Hùng

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021

*(Kèm theo Quyết định số 16^A/QĐ-ĐHCVA ngày 26 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An)*

I. Thông tin chung

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Trường Đại học Chu Văn An
- Tên tiếng Anh: University of Chuvanan
- Ký hiệu: DCA
- Trụ sở chính: Khu đô thị Đại học Phố Hiến, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Cơ sở 2: Khu đô thị Ecopark, Văn Giang, Hưng Yên
- Trang thông tin điện tử: cvauni.edu.vn
- Điện thoại: 02213 515 592/ 0989 353 536

Sứ mệnh: Trường Đại học Chu Văn An là cơ sở đào tạo đa ngành, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực Luật Kinh tế, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng. Ngôn ngữ Anh, chuyển giao tri thức khoa học, phát triển năng lực học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên, rèn luyện kỹ năng làm việc đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

Xây dựng môi trường học thuật kiến tạo nhằm giúp sinh viên phát huy năng lực sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, ý chí thành công, và có trách nhiệm với xã hội.

Xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học ứng dụng hiện đại với mục tiêu trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Tầm nhìn: Đến năm 2025, trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng với mô hình nhà trường gắn với doanh nghiệp, ngang tầm với các trường đại học trong khu vực về

môi trường học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Mô hình quản trị đại học theo hướng tự chủ và phi lợi nhuận phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của trường Đại học Chu Văn An được hình thành.

Các nền tảng cơ bản cho định hướng ứng dụng của trường được xây dựng.

Các chương trình đào tạo được chuẩn hóa theo định hướng ứng dụng của trường

Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Sáng tạo – Đoàn kết – Trách nhiệm – Hội nhập

Triết lý giáo dục: “Lấy người học làm trung tâm” cho mọi hoạt động của nhà trường, chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng.

2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại					
	ĐH		CĐSP		TCSP	
	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I						
Khối ngành II						
Khối ngành III	778	132				
Khối ngành IV						
Khối ngành V	88					
Khối ngành VI						
Khối ngành VII	38					
Tổng	904	132				

3. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

3.1 Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Sử dụng kết quả kỳ thi Trung học phổ thông (THPT) để xét tuyển 40% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Căn cứ vào kết quả học tập ở Lớp 12 bậc THPT để xét tuyển 60% chỉ tiêu tuyển sinh.

3.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy kết quả từ Kỳ thi THPT quốc gia)

Mã khối ngành	Mã ngành học	Ngành học	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
III	7340101	Quản trị kinh doanh	100		15	100	1	15
III	7340201	Tài chính – Ngân hàng	100		15	100	0	15
III	7340301	Kế toán	150		15	100	1	15
III	7380107	Luật kinh tế	200		15	250	5	15
V	7480201	Công nghệ thông tin	50		15	50	1	15
V	7520201	Kỹ thuật điện	60		15	50	1	15
V	7580101	Kiến trúc	40		15	50	0	15
V	7580201	Kỹ thuật xây dựng	50		15	50	0	15
VII	7220201	Ngôn ngữ Anh	100		15	50	0	15

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
I.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, PGS, giảng viên cơ hữu	38	3610
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	260
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	24	2200
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	100
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	1	310

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	9	740
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	90
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	490
	Tổng	82	7800

1.2. *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị*

TT	Tên	Số lượng, trang thiết bị
1	Phòng thực hành kỹ thuật điện tổng hợp	Máy điện, bàn lắp ráp kỹ thuật điện tổng hợp
2	Phòng thí nghiệm mạch điện	Mô hình lắp ráp mạch điện, thí nghiệm các định luật về kỹ thuật điện
3	Phòng thí nghiệm điện tử	Mô hình lắp ráp mạch điện tử, các mạch điện tử cơ bản, cơ cấu đo lường điện tử
4	Phòng thí nghiệm vật lý	Các trang thiết bị phục vụ thí nghiệm Vật lý: Điện, cơ, quang học, Khí, lượng tử
5	Phòng thí nghiệm hóa học	Các trang thiết bị phục vụ thí nghiệm Hóa học: Các chất hóa học cơ bản, các phụ kiện phục vụ các thí nghiệm hóa học

1.3. *Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

Stt	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành/ Nhóm ngành 1	
2.	Khối ngành II	
3.	Khối ngành III	4350
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	1807
6.	Khối ngành VI	
7.	Khối ngành VII	461

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

(Phụ lục 01- Danh sách giảng viên)

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

(Phụ lục 02- Danh sách giảng viên)

III.

Các thông tin của năm tuyển sinh

- 1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)**

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh vào đại học chính quy năm 2021: Xét tuyển theo 3 phương thức

- Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2021 để xét tuyển 35% chỉ tiêu tuyển sinh.
- Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập học bạ THPT (hoặc tương đương) để xét tuyển 65% chỉ tiêu tuyển sinh.
- + Xét điểm TBC của tổ hợp môn học năm lớp 12 (hoặc tương đương)
- + Xét điểm TBC năm lớp 12 (hoặc tương đương)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

1.4.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2006
2	Kiến trúc	7580101	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2007
3	Kỹ thuật điện	7520201	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2008
4	Kế toán	7340301	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2006
5	Kỹ thuật xây dựng	7580201	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2008
6	Công nghệ thông tin	7480201	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2006
7	Tài chính ngân hàng	7340201	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2007
8	Quản trị kinh doanh	7340101	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2018	BGDĐT	2006
9	Luật kinh tế	7380107	1070/QĐ-BGDĐT	22/03/2020	BGDĐT	2015

1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét kết quả thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
Khối ngành 3													
1.	Đại học	7340301	Kế toán	126	69	A00		D01		A01		C04	
2	Đại học	7340201	Tài chính ngân hàng	182	98	A00		D01		A01		C04	
3	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	540	290	A00		D01		A01		C04	
4	Đại học	7380107	Luật kinh tế	533	287	A00		A01		D01		C00	
Khối ngành 5													
5	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	93	51	A00		D01		A01		C04	
6	Đại học	7520201	Kỹ thuật điện	164	88	A00		D01		A01		C04	
7	Đại học	7580201	Kỹ thuật xây dựng	75	41	A00		A01		D01		C04	



8	Đại học	7580101	Kiến trúc	119	73	V00	V01	V02	V03
Khối ngành 7									
9	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	314	196	D01	A01	D14	D10

- Chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển và giữa các ngành sẽ được điều chuyển trong tổng chỉ tiêu đã đăng ký đảm bảo năng lực đào tạo của từng ngành

1.5. Ngưỡng đảm bảo đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng
 - a) Phương thức 1: Theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT: Tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển từ 15 điểm trở lên.
 - b) Phương thức 2: Theo phương thức xét kết quả học bạ THPT hoặc tương đương
 - + Điểm trung bình chung (TBC) của tổ hợp môn học năm lớp 12 (hoặc tương đương) đạt từ 15 điểm trở lên.
 - + Điểm TBC lớp 12 hoặc tương đương đạt từ 5.0 trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn
1. Kế toán	7340301	1- Toán, Vật lý, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
2. Tài chính - Ngân hàng	7340201	1- Toán, Vật lý, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
3. Quản trị kinh doanh	7340101	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý.	A00 D01 A01 C04
4. Ngôn ngữ Anh	7220201	1- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. 2- Toán, Vật lý, Tiếng Anh. 3- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 4- Toán, Địa lý, Tiếng Anh.	D01 A01 D14 D10
5. Luật Kinh tế	7380107	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 3- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.	A00 A01 D01 C00
6. Công nghệ thông tin	7480201	1- Toán, Vật lý, Hóa	A00
		2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
		3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
		4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	C04
7. Kỹ thuật điện	7520201	1- Toán, Vật lý, Hóa	A00
		2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
		3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
		4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	C04
8. Kỹ thuật xây dựng	7580201	1- Toán, Vật lý, Hóa	A00
		2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
		3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
		4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	C04
9. Kiến trúc	7580101	1- Toán, Vật lý, Vẽ Mỹ thuật.	V00
		2- Toán, Ngữ văn, Vẽ Mĩ thuật.	V01
		3- Toán, Tiếng Anh, Vẽ Mĩ thuật	V02
		4- Toán, Hóa, Vẽ Mĩ thuật.	V03

*** Các ngành năng khiếu**

Riêng đối với các môn năng khiếu thí sinh có thể sử dụng điểm năng khiếu của các trường Đại học khác hoặc tham gia sơ tuyển của trường Đại học Chu Văn An.

Yêu cầu bài sơ tuyển môn vẽ:

- + Về nội dung: Vẽ 1 đến 2 đồ vật có hình khối như bình hoa, cốc, chén, ... hoặc chân dung (tượng hoặc người)
- + Về hình thức: Vẽ chì đen trên giấy A4 có bố cục rõ ràng và gợi ý sáng tối bằng bút chì đen
- + Hình thức sơ tuyển: Thí sinh gửi sản phẩm về trường theo đường bưu điện theo địa chỉ: Trường Đại học Chu Văn An, Khu đô thị Đại học Phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Hồ sơ xét tuyển

a) Đối với xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021

Thí sinh điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển và nộp cho Nhà trường cùng với phí xét tuyển bằng các phương thức: trực tiếp tại trường, online hoặc chuyển qua Bưu điện.

b) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT

Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- Đơn xin xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Chu Văn An
- Học bạ Gốc THPT hoặc tương đương

1.7.2. Thời gian nhận hồ sơ:

a) Đối với xét tuyển bằng kết quả thi THPT:

Theo lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

b) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT hoặc tương đương

* Với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2020 trở về trước: tuyển sinh liên tục theo các đợt trong năm.

* Với thí sinh tốt nghiệp năm 2021

1.8. Tổ chức tuyển sinh

1.7.3. Hồ sơ xét tuyển

c) Đối với xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021

Thí sinh điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển và nộp cho Nhà trường cùng với phí xét tuyển bằng các phương thức: trực tiếp tại trường, online hoặc chuyển qua Bưu điện.

d) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT

Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- Đơn xin xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Chu Văn An
- Học bạ Gốc THPT hoặc tương đương

1.7.4. Thời gian nhận hồ sơ:

c) Đối với xét tuyển bằng kết quả thi THPT:

Theo lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

d) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT hoặc tương đương

* Với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2020 trở về trước: tuyển sinh liên tục theo các đợt trong năm.

* Với thí sinh tốt nghiệp năm 2021

- Thời gian ĐKXT dự kiến bắt đầu từ ngày 20/7/2021 đến 5/8/2021

- Địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển:

- Trường Đại học Chu Văn An, Khu đô thị Đại học Phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

-Phương thức:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh – Đại học Chu Văn An

+ Đăng ký trên website cvauni.edu.vn hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Hội đồng tuyển sinh - Trường Đại học Chu Văn An, Khu đô thị Đại học Phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả thí sinh trúng tuyển thường xuyên cập nhật trên Website của Trường.

1.7.5. Quy trình xét tuyển.

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban phục vụ xét tuyển, Ban Thanh tra.

- Bước 2: Tổng hợp hồ sơ của thí sinh đăng ký.
- Bước 3: Nhập dữ liệu, thống kê các điều kiện xét tuyển.
- Bước 4: Hội đồng tuyển sinh.
- + Xét theo nguyện vọng của thí sinh đã đủ các điều kiện của Nhà trường.
- + Ưu tiên thí sinh chọn ngành 1 hay đăng ký chọn ngành 2 (Xếp thứ tự từ trên xuống theo chỉ tiêu được xác định nếu còn chỉ tiêu)
- + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có).
- Bước 5: Tổng hợp và công bố kết quả xét tuyển.
- Bước 6: Thông báo kết quả xét tuyển và gửi Giấy báo nhập học, cụ thể:
- + Cập nhật dữ liệu ĐKXT lên hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia theo quy định của Bộ GD & ĐT tới khi kết thúc mỗi đợt xét tuyển.
- + Công bố trên trang thông tin điện tử, Website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng, điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển, báo cáo về Bộ GDĐT.
- + Gửi giấy báo nhập học cho những thí sinh trúng tuyển theo địa chỉ của thí sinh đã cung cấp.

1.8. Chính sách ưu tiên

- Thí sinh là các học sinh khuyết tật đã tốt nghiệp THPT.
- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh Đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển và được nhận chính sách ưu tiên của Nhà trường.

1.9. Lệ phí xét tuyển

- Với xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021: 30.000đ
- Với xét tuyển kết quả theo học bạ: Miễn lệ phí xét tuyển.

1.10. Học phí: Học phí 300.000đ/1 tín chỉ

1.11. Thời gian dự kiến các đợt nhập học bổ sung trong năm nếu còn chỉ tiêu

Đợt 1: Từ ngày 15/8/2020 tới ngày 30/8/2021

Đợt 2: Từ ngày 15/9/2020 tới ngày 30/09/2021

Đợt 3: Từ ngày 15/10/2021 cho các đợt tiếp theo tới hết ngày 30/12/2021.

1.12. Tình hình việc làm thống kê cho 2 khóa gần nhất

1.12.1. Tốt nghiệp năm 2019

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I								
Khối ngành II								
Khối ngành III	550		520		508		85.2	
Khối ngành IV								
Khối ngành V	200		59		103		90.2	
Khối ngành VI								
Khối ngành VII	100		90		90		91.1	

1.12.2. Tốt nghiệp năm 2020

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I								
Khối ngành II								
Khối ngành III	550		225		372		85.6	
Khối ngành IV								
Khối ngành V	200		20		47		92.4	
Khối ngành VI								
Khối ngành VII	100		0		0			



1.13. Các thông tin khác

1.13.1. Học bổng

- Hàng năm Nhà trường có học bổng cho sinh viên có thành tích học tập tốt và có nhiều đóng góp cho hoạt động của Nhà trường
- Nhà trường tặng học bổng 50% học phí toàn khóa cho sinh viên là người khuyết tật, miễn phí ký túc xá, giảm 50% chi phí giáo trình trong toàn khóa học.
- Nhà trường tặng học bổng 30.000.000đ cho sinh viên là thủ khoa đầu vào
- Nhà trường tặng học bổng 20.000.000đ cho sinh viên là á khoa đầu vào
- Sinh viên dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn được nhà trường miễn phí ký túc xá trong kỳ học đầu tiên.

1.13.2. Ký túc xá

Trường Đại học Chu Văn An có ký túc xá là tòa nhà 2 tầng, với 100 chỗ ở cho sinh viên. Ký túc xá được trang bị wifi, có sân thể thao và các tiện ích khác phục vụ nhu cầu ăn ở, học tập của sinh viên.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hưng Yên có Khu ký túc xá dành cho sinh viên các trường đóng trên địa bàn thành phố Hưng Yên do sở Xây dựng Hưng Yên là đơn vị chủ quản. Đảm bảo quy mô 5.000 sinh viên với giá cả hợp lý.

1.13.3. Thông tin liên hệ

Trường Đại học Chu Văn An

Địa chỉ: Khu đô thị Đại học Phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Website: cvauni.edu.vn

Điện thoại: 02433505668/02213515592/0989353536

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên
- Có đủ sức khỏe để học tập theo qui định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học Hiệu trưởng xem xét quyết định cho tham dự xét tuyển.

2.2. **Phạm vi tuyển sinh:** Cả nước

2.3. **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

2.4. **Chỉ tiêu tuyển sinh**

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu năm 2021
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	168
2	Kiến trúc	7580101	64
3	Kỹ thuật điện	7520201	76
4	Kế toán	7340301	60
5	Kỹ thuật xây dựng	7580201	35
6	Công nghệ thông tin	7480201	43
7	Tài chính ngân hàng	7340201	84
8	Quản trị kinh doanh	7340101	249
9	Luật kinh tế	7380107	246

Chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển và giữa các ngành sẽ được điều chuyển trong tổng chỉ tiêu đã đăng ký đảm bảo năng lực đào tạo của từng ngành

2.5. **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ**

- Xét kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc tương đương, điểm TBC đạt từ 5.0 trở lên
- Tổng 03 môn thi hoặc theo xét tuyển theo tổ hợp môn học lớp 12 (tương đương) và điểm ưu tiên theo quy định đạt từ 15 điểm trở lên

2.6. **Tổ chức tuyển sinh**

2.6.1 **Thời gian tuyển sinh**

Nhà trường tuyển sinh liên tục trong năm, dự kiến xét tuyển và công bố kết quả vào các đợt tháng 03/2021, 06/2021, 09/2021, 12/2021

2.6.2. **Chính sách ưu tiên:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT

2.7. **Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển:** Miễn lệ phí xét tuyển

2.8. **Học phí dự kiến với sinh viên:** 300.000đ/ 1 tín chỉ

3. **Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH**

3.1. **Đối tượng tuyển sinh:**

Những người đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc tương đương

3.2. **Phạm vi tuyển sinh:** Cả nước

3.3. **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu năm 2021
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	34
2	Kiến trúc	7580101	13
3	Kỹ thuật điện	7520201	16
4	Kế toán	7340301	12
5	Kỹ thuật xây dựng	7580201	7
6	Công nghệ thông tin	7480201	9
7	Tài chính ngân hàng	7340201	17
8	Quản trị kinh doanh	7340101	50
9	Luật kinh tế	7380107	50

Chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển và giữa các ngành sẽ được điều chuyển trong tổng chỉ tiêu đã đăng ký đảm bảo năng lực đào tạo của từng ngành

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ

- Xét kết quả học tập hệ TC hoặc CĐ: điểm TBC toàn khóa đạt từ 5.0 (thang điểm 10) hoặc đạt từ 2.0 (thang điểm 4) trở lên.
- Xét kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc tương đương, điểm TBC đạt từ 5.0 trở lên
- Tổng 03 môn theo tổ hợp môn học lớp 12 (tương đương) và điểm ưu tiên theo quy định đạt từ 15 điểm trở lên

3.6. Thời gian tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh liên tục trong năm, dự kiến xét tuyển và công bố kết quả vào các đợt tháng 03/2021, 06/2021, 09/2021, 12/2021.

Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

3.7. *Lệ phí xét tuyển:* Miễn lệ phí xét tuyển

3.8. *Học phí dự kiến với sinh viên:* 300.000đ/ 1 tín chỉ

4. Tuyển sinh đào tạo từ xa

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Những người có bằng THPT, đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc tương đương

4.2. *Phạm vi tuyển sinh:* Cả nước

4.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu năm 2021
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	100
2	Kiến trúc	7580101	30
3	Kỹ thuật điện	7520201	60
4	Kế toán	7340301	100
5	Kỹ thuật xây dựng	7580201	30
6	Công nghệ thông tin	7480201	60
7	Tài chính ngân hàng	7340201	60
8	Quản trị kinh doanh	7340101	60
9	Luật kinh tế	7380107	500

Chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển và giữa các ngành sẽ được điều chuyển trong tổng chỉ tiêu đã đăng ký đảm bảo năng lực đào tạo của từng ngành

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ

- Xét kết quả học tập hệ TC, CD, ĐH: điểm TBC toàn khóa đạt từ 5.0 (thang điểm 10) hoặc đạt từ 2.0 (thang điểm 4) trở lên.
- Xét kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc tương đương, điểm TBC đạt từ 5.0 trở lên
- Tổng 03 môn theo tổ hợp môn học lớp 12 (tương đương) và điểm ưu tiên theo quy định đạt từ 15 điểm trở lên

4.6. Thời gian tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh liên tục trong năm, dự kiến xét tuyển và công bố kết quả vào các đợt tháng 03/2021, 06/2021, 09/2021, 12/2021.

Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

4.7. Lệ phí xét tuyển: Miễn lệ phí xét tuyển

Học phí dự kiến với sinh viên: 300.000đ/ 1 tín chỉ

Ngày 26... tháng 5... năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CHU VĂN AN
TS. TẠ TIẾN HÙNG